



KHÓA TẬP HUẤN

Cộng đồng kinh tế ASEAN và việc xây dựng chiến lược phù hợp trong thời kì hội nhập kinh tế khu vực

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20-21 tháng 8 năm 2015



**Phát triển chuỗi giá trị ở
khu vực ASEAN**

Nguyễn Anh Dương
Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương





Nội dung



1. Giới thiệu
2. Chuỗi giá trị và ý nghĩa;
3. Một số chuỗi giá trị ở Việt Nam;
4. Kinh nghiệm của Malaysia và Thái Lan
5. Một số kiến nghị



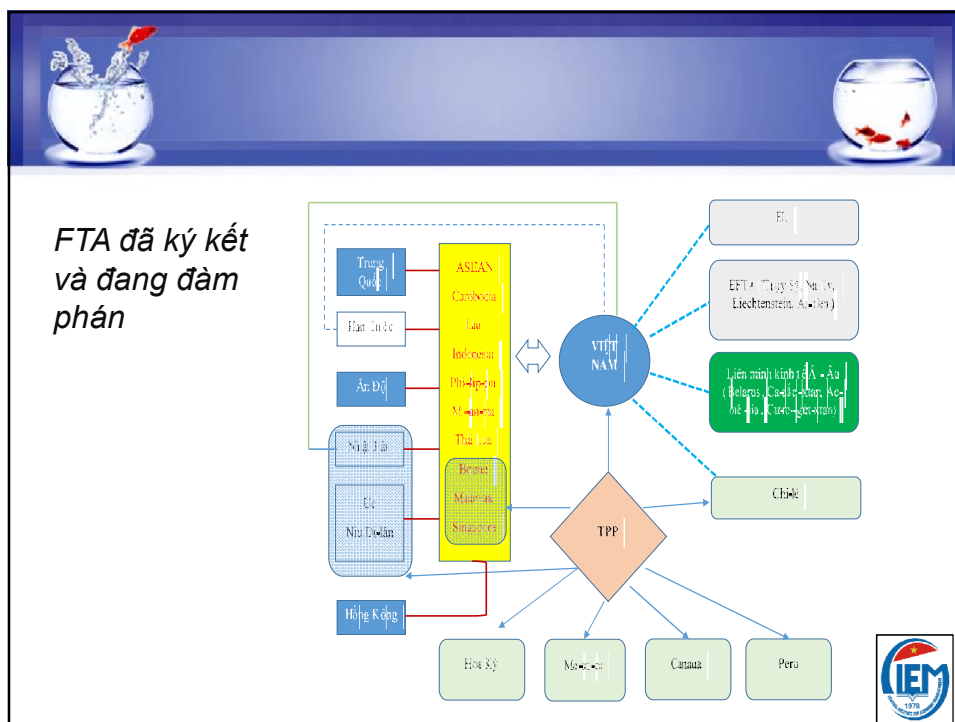


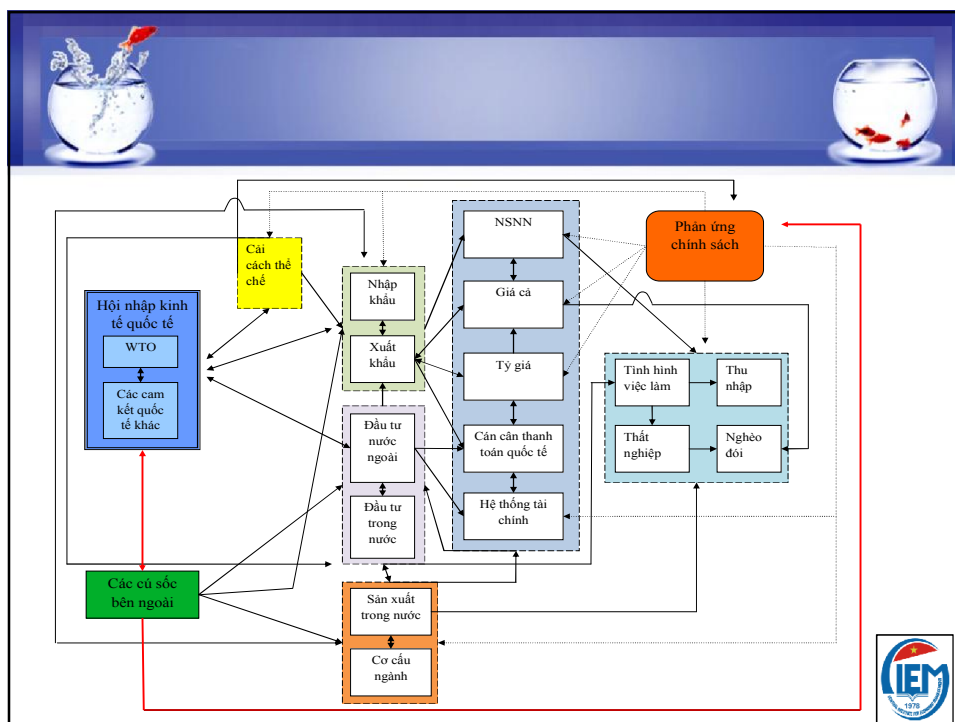
Giới thiệu



- **Bối cảnh**
 - ***Chiến lược phát triển KTXH 2011 – 2020 và Kế hoạch phát triển KTXH 2011-2015:***
 - VN trở thành nước công nghiệp hiện đại; và
 - Hội nhập kinh tế sâu rộng hơn
 - ***Việt Nam đã tham gia tích cực vào nhiều FTAs của khu vực ASEAN***
 - Một trong những nguyên nhân quan trọng là việc tham gia các chuỗi giá trị được hình thành và củng cố nhờ quá trình hội nhập ASEAN và ASEAN+
 - Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều biến động ảnh hưởng đến sự tham gia của các DN vào các chuỗi giá trị này.







• Tốc độ tăng trưởng cao và đóng góp quan trọng vào kim ngạch xuất khẩu

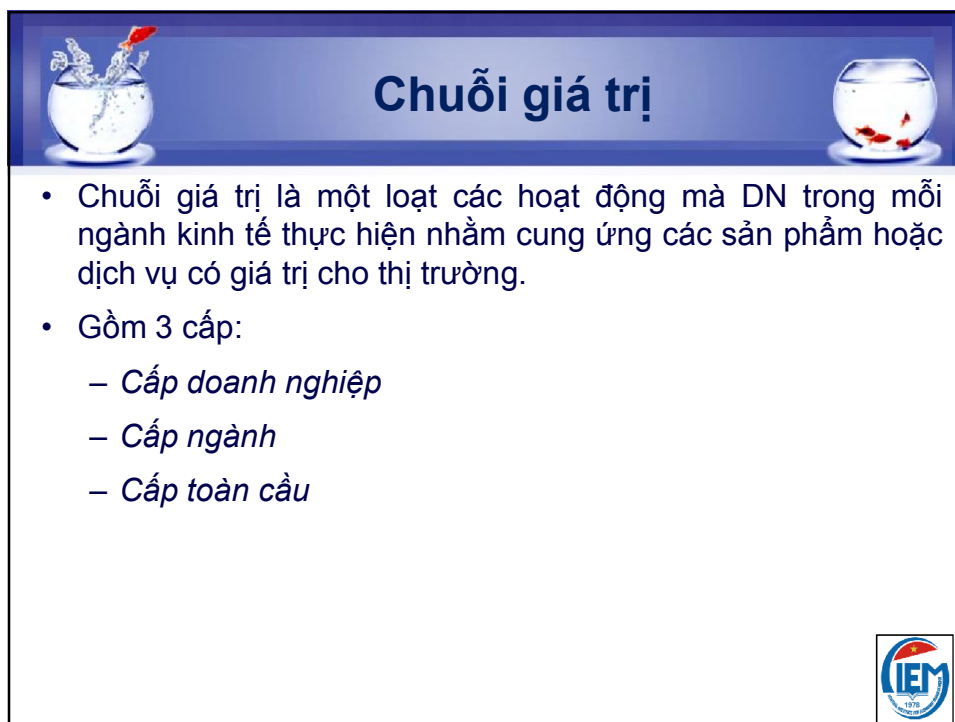
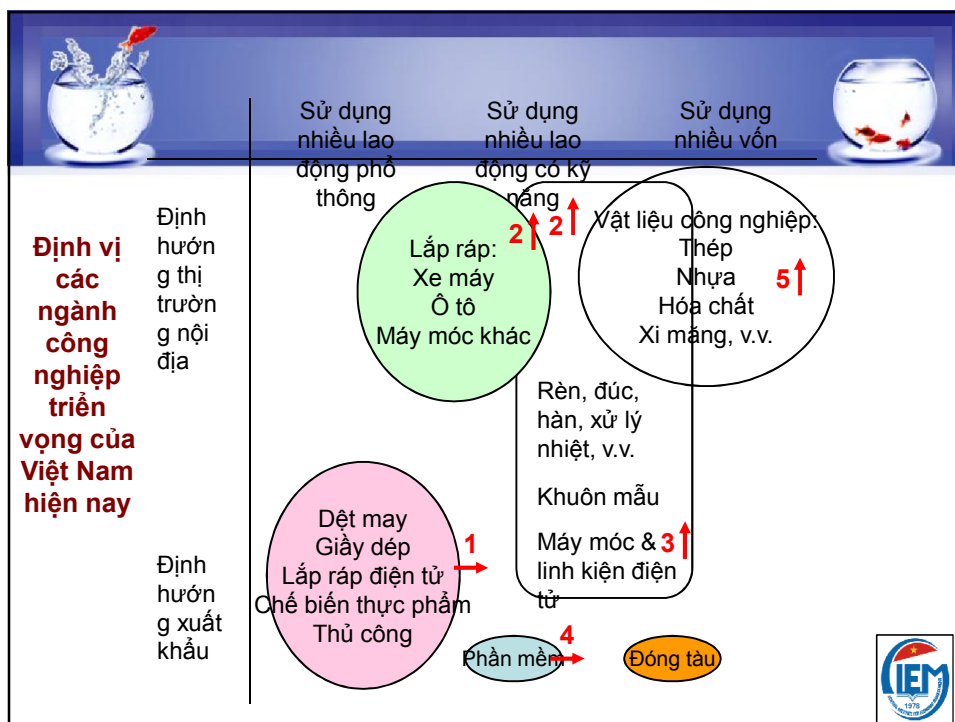
10 phân ngành CN chế biến lớn nhất theo GTGT:

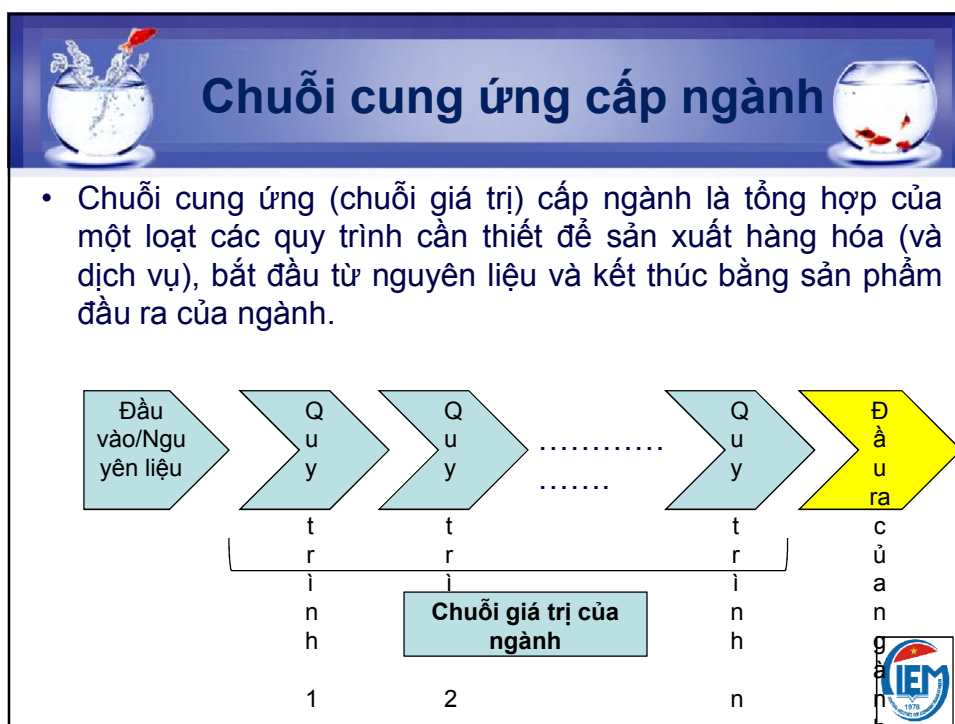
ISIC rev3	Tên ngành
15	Sản xuất thực phẩm và đồ uống
26	Các ngành sản xuất sản phẩm khoáng chất phi kim khác
18	Xử lý da và sản phẩm da (từ may mặc)
24	Hóa chất và sản phẩm từ hóa chất
19	Thuộc da và các sản phẩm da (bao gồm cả ví, ghế da)
31	Các thiết bị điện tử khác
28	Sản phẩm kim loại (trừ máy móc và thiết bị)
17	Dệt
36	Sản xuất đồ nội thất và các sản phẩm khó phân loại khác
35	Các thiết bị vận tải khác (tàu thuyền, đường sắt, máy bay)

10 phân ngành CN chế biến lớn nhất theo giá trị XK:

ISIC Rev3	Tên ngành
15	Sản xuất thực phẩm và đồ uống
18	Xử lý da và sản phẩm da (từ may mặc)
19	Thuộc da và các sản phẩm da (bao gồm cả ví, ghế da)
36	Sản xuất đồ nội thất và các sản phẩm khó phân loại khác
17	May mặc
31	Các thiết bị điện tử khác
30	Sản xuất máy văn phòng và máy tính
32	Sản xuất thiết bị phát thanh, truyền hình
25	Sản xuất sản phẩm nhựa và cao su
24	Hóa chất và sản phẩm từ hóa chất









Chuỗi cung ứng cấp khu vực và toàn cầu



- Chuỗi cung ứng cấp khu vực/toàn cầu hình thành chủ yếu do các tập đoàn đa quốc gia đa dạng hóa địa điểm đầu tư nhằm giảm chi phí/nâng cao hiệu quả hoạt động/giảm rủi ro:
 - *Nhiều tập đoàn đặt các cơ sở “nghiên cứu, triển khai, thiết kế, lắp ráp, sản xuất phụ tùng, tiếp thị và xây dựng nhãn hiệu” ở nhiều quốc gia khác nhau.*
 - VD 1: Apple đảm nhận phần thiết kế, thử nghiệm, và đặt hàng Foxconn lắp ráp sản phẩm Iphone để tận dụng nguồn nhân công giá rẻ.
 - VD 2: Các công ty Nhật Bản mở thêm cơ sở sản xuất linh kiện, phụ tùng cho ngành công nghiệp ô tô và ngành công nghiệp điện tử ở Việt Nam nhằm giảm rủi ro sau khi trải qua lịch sử ở Thái Lan năm 2011.




Ý nghĩa của chuỗi giá trị khu vực/toàn cầu



- Nâng cao hiệu quả sản xuất, với việc mỗi quốc gia/nhà cung ứng tập trung vào 1 công đoạn sản xuất mà họ làm tốt nhất.
 - *Việc đảm nhận nhiều công đoạn sản xuất chỉ khả thi nếu DN có quy mô đủ lớn và đạt được “hiệu quả kinh tế nhờ kết hợp nhiều hoạt động” (Economies of scope);*
 - *Trên thực tế, quản trị nhiều công đoạn khác nhau có thể làm tăng chi phí cho doanh nghiệp (bởi nhiều chi phí cố định khó chia sẻ được cho các công đoạn khác nhau)*
- Một lý do truyền thống khác là doanh nghiệp cần đảm nhận nhiều công đoạn để tiết kiệm chi phí vận tải.
 - *Tuy nhiên, phát triển hạ tầng và giao thông đã giúp giảm đáng kể chi phí vận tải.*
 - *Cụm công nghiệp cũng giúp giảm chi phí vận tải*





Một số nhân tố ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng



- Quy tắc xuất xứ và ưu đãi thuế quan: Có thể tạo động lực cho các doanh nghiệp sử dụng đầu vào từ nhập khẩu (nếu lợi ích đủ lớn so với chi phí vận tải)
 - VD 1: thuế nhập khẩu linh kiện giảm từ 10% xuống 0% thì hàng nhập khẩu sẽ cạnh tranh hơn so với hàng trong nước;
 - VD 2: thuế nhập khẩu không thay đổi; linh kiện trong nước không sẵn có hoặc không cung cấp kịp thời; cho phép xuất xứ gộp (chẳng hạn từ ASEAN) thì có thể nhập khẩu đầu vào và ĐƯỢC hưởng ưu đãi thuế khi xuất vào đối tác.
- Mức độ tạo thuận lợi cho thương mại
 - Chi phí giao thông:



Chuỗi công nghiệp điện tử (1)



- Việt Nam đã phát triển công nghiệp điện tử từ rất lâu, nhưng chủ yếu nhấn mạnh vai trò của khu vực trong nước. Việc tham gia chuỗi các sản phẩm công nghiệp điện tử chỉ nổi lên trong những năm gần đây.
 - Công nghiệp điện tử Việt Nam giai đoạn 2000-2010 có tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm đạt từ 20-30%, nhưng những năm gần đây có thể đạt tới 96% (2011);
 - Kim ngạch xuất khẩu tăng tới 30-50%/năm trong những năm gần đây.
 - Nhiều tập đoàn CNTT lớn của nước ngoài đầu tư vào Việt Nam đang mở rộng quy mô hoạt động, điển hình là Intel, Samsung Electronics, Canon, Nokia,...
 - Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là linh kiện, sản phẩm





Chuỗi công nghiệp điện tử (2)



- Tuy nhiên, ngành điện tử Việt Nam vẫn đang dừng ở giai đoạn đầu trong chuỗi sản xuất sản phẩm điện tử.
 - Doanh thu ngành công nghiệp phần cứng và điện tử chiếm khoảng 90% toàn ngành CNTT, nhưng trên thực tế giá trị được nắm giữ chủ yếu bởi các doanh nghiệp FDI
 - Các doanh nghiệp trong nước chỉ tập trung vào lắp ráp và thực hiện những dịch vụ thương mại.
 - Mức độ tham gia của DN trong nước còn hạn chế (Chỉ ở mức bao bì, in ấn, đóng gói)
 - VD: Trường hợp của Samsung (có thị trường, có ưu đãi và KHÔNG chịu áp lực phải sử dụng đầu vào/linh kiện trong nước), trong khi DN trong nước phải được bao tiêu thì mới dám đầu tư để tham gia chuỗi. Nhiều sản phẩm khác cũng tương tự.



Chuỗi công nghiệp điện tử (3)



- **Phân tích SWOT:**
 - Môi trường chính trị ổn định
 - Khung khổ pháp lý được cải thiện
 - Lực lượng lao động cạnh tranh
 - Thị trường tiêu dùng trong nước lớn
 - Hiện diện của các doanh nghiệp FDI lớn.
- Song:**
 - Phụ thuộc vào đầu vào nhập khẩu + năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh còn hạn chế.
 - Lao động kỹ năng thấp cũng dẫn đến tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước còn hạn chế
 - Đóng góp/sự tham gia của doanh nghiệp trong nước còn khiêm tốn





Chuỗi công nghiệp điện tử (4)



- **Khung khổ chính sách:** các chính sách chung về phát triển công nghiệp + các chính sách cụ thể của ngành:
 - Chiến lược PTKTXH;
 - Kế hoạch PTKTXH;
 - Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam (2014);
 - QĐ 1290/QĐ-TTg về phát triển ngành công nghiệp điện tử;
 - Tuy nhiên, chính sách CHƯA nhấn mạnh việc tạo dựng liên kết giữa DN cung ứng trong nước và DN nước ngoài



Chuỗi công nghiệp điện tử (5)



- **Một số hình thức/công cụ ảnh hưởng đến ngành điện tử:**
 - Phát triển công nghiệp hỗ trợ;
 - Phát triển nguồn nhân lực;
 - Hỗ trợ tài chính;
 - Chính sách đầu tư;
 - Các rào cản kỹ thuật (TBT);
 - Chính sách khuyến khích thương mại và phát triển thị trường;
 - Cải cách/Điều chỉnh về mặt thể chế.





Chuỗi công nghiệp điện tử (6)



- **Cắt giảm thuế quan (WTO, FTAs, v.v.)**

→ *NRP giảm mạnh*

→ *ERP của các nhóm ngành điện tử vẫn tương đối cao so với các ngành khác (VD: các nhóm ngành nông nghiệp)*

- **Cam kết bảo hộ đầu tư**

– *WTO (TRIMs và TRIPS): Các quy định mới theo hướng bảo hộ và đối xử bình đẳng hơn đối với nhà đầu tư nước ngoài (so với đầu tư trong nước);*

– *TPP: Có thể tăng cam kết bảo hộ đầu tư và cơ chế xử lý tranh chấp ngặt nghèo hơn >< khả năng điều chỉnh chính sách trong nước??*



Chuỗi công nghiệp điện tử (7)



- **Các nhân tố ảnh hưởng đến CS phát triển ngành công nghiệp điện tử và chuỗi công nghiệp điện tử:**

– *Hạn chế về nguồn lực tài chính (NSNN, các quỹ hỗ trợ, v.v.);*

– *Hiệu quả của các không gian chính sách hiện có (phát triển công nghiệp hỗ trợ, phát triển nguồn nhân lực, v.v.);*

– *Các quy định nới lỏng hơn về sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp trong nước theo cam kết hội nhập.*





Chuỗi công nghiệp điện tử (8)



- Một số vấn đề chiến lược:
 - *Phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ ngành công nghiệp điện tử.*
 - *Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp điện tử.*
 - *Phát triển, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu cho ngành công nghiệp điện tử.*
 - *Thu hút đầu tư các doanh nghiệp điện tử hàng đầu trên thế giới.*
 - *Phát triển các sản phẩm trọng điểm trong ngành công nghiệp điện tử.*
 - *Hình thành các cụm công nghiệp điện tử (cluster).*

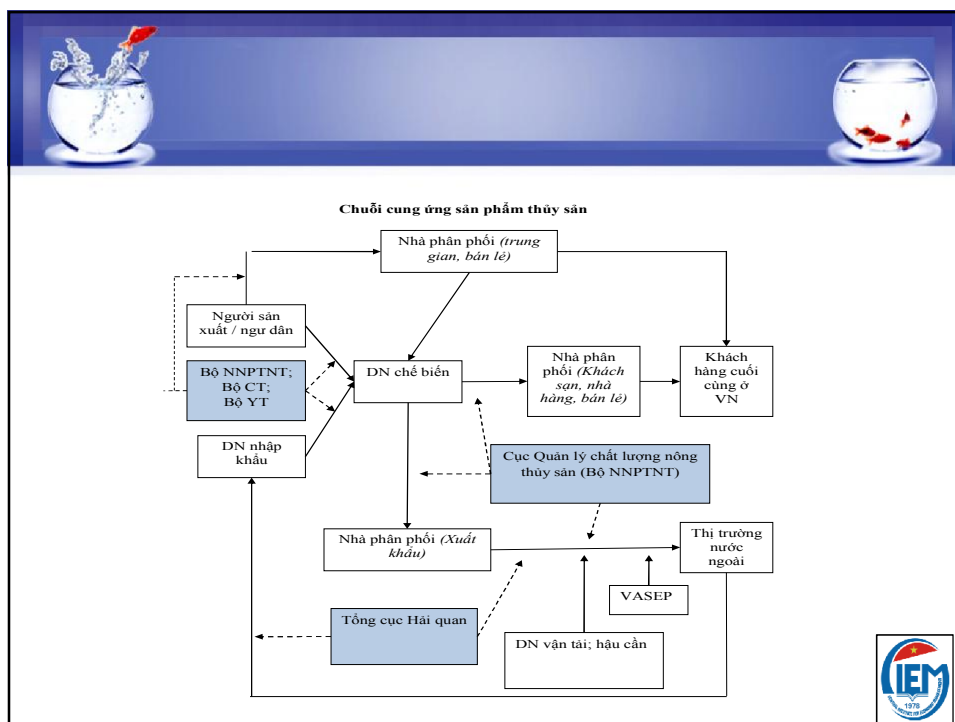


Chuỗi ngành chế biến thực phẩm (1)



- Công nghệ, năng lực sản xuất/chế biến, đóng góp cho xuất khẩu và GDP cải thiện đáng kể
 - *Gắn kết với ngành nông nghiệp và thủy sản.*
 - *Nhiều sản phẩm đang có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới (thủy sản, gạo, rau quả, tiêu, điều, v.v.)*
 - *2012: hơn 6000 doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến nông, thủy sản.*
 - *Tuy nhiên, xuất khẩu tăng nhanh trong khi nguồn cung trong nước không tăng kịp (do dịch bệnh + diện tích canh tác, năng suất tới hạn) → phải dựa nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu*
 - Rõ nét nhất là ngành thủy sản.





Chuỗi ngành chế biến thực phẩm (2)

- **Cơ hội**
 - Thị trường (trong và ngoài nước) đối với thực phẩm chế biến (gắn với các cam kết trong AEC);
 - Định hướng ưu tiên phát triển ngành;
- **Thách thức**
 - Các quy định chặt chẽ hơn về tiêu chuẩn của các nước nhập khẩu khi hàng rào thuế quan được bãi bỏ (nhất là khi ASEAN chưa có nhiều hiệp định công nhận lẫn nhau về chất lượng hàng thủy sản);
 - Nguồn nguyên liệu không ổn định về số lượng và chất lượng;
 - Hàm lượng chế biến thấp;
 - Hệ thống phân phối và năng lực tiếp thị còn hạn chế;
 - Chi phí xuất khẩu cao (do hạn chế về hạ tầng, các quy định về SPS)



Chuỗi ngành chế biến thực phẩm (3)



- **Văn bản chính sách:**
 - Chiến lược PTKTXH + Kế hoạch PTKTXH;
 - Chiến lược phát triển công nghiệp (2014);
 - QĐ 1291/QĐ-TTg về phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm
- **Một số chính sách cụ thể của ngành**
 - Chính sách khuyến khích đầu tư: phân bổ đất, hỗ trợ đầu tư, v.v.
 - Ưu đãi thuế (thu nhập; VAT);
 - Các chính sách hạn chế nhập khẩu các sản phẩm nông thủy sản
 - Quy tắc xuất xứ và ưu tiên phát triển các vùng nguyên liệu



Chuỗi ngành chế biến thực phẩm (4)



- **Thuế quan:** Thuế nhập khẩu đối với hầu hết sản phẩm (bao gồm thực phẩm chế biến) giảm mạnh, phần lớn thấp hơn mức thuế MFN của WTO.
 - GTGT của một số mặt hàng giảm (ERP âm)
- **Quy tắc xuất xứ:** → Hải hòa và chi phí tuân thủ???
- **Sở hữu trí tuệ/TRIPs:**
 - Chi phí tuân thủ cao;
 - Rủi ro lớn khi chuyển giao bí quyết quan trọng từ các hàng hóa công sang hàng hóa tư (thường do các tập đoàn lớn nắm giữ);
 - Ảnh hưởng tới sinh kế của nông dân;
 - Tác động tới môi trường, bao gồm tác động tới đa dạng sinh học





Chuỗi ngành chế biến thực phẩm (5)



- **Các biện pháp phi thuế quan:** các tiêu chuẩn, rào cản kỹ thuật (TBTs); thuế chống bán phá giá, v.v.
 - *Song không phải các biện pháp thương mại thuần túy (có nhiều mục tiêu phi kinh tế khác);*
- Các tiêu chuẩn của VN thường thấp hơn so với các tiêu chuẩn của khu vực/quốc tế → các doanh nghiệp Việt Nam thường bị ảnh hưởng nghiêm trọng hơn khi xuất khẩu thực phẩm ra nước ngoài;
- Mức độ vận dụng ở VN còn hạn chế.



Chuỗi ngành chế biến thực phẩm (6)



- **Một số vấn đề chiến lược**
 - *Bảo đảm chất lượng của sản phẩm tại Việt Nam (nhất là khi mức độ chủ động về nguồn nguyên liệu đã giảm);*
 - *Nâng cao hàm lượng chế biến (công nghệ không thành vấn đề, nhất là với ngành thủy sản vì nhiều DN đã đầu tư nhà máy, công nghệ chế biến hiện đại)*
 - *Cạnh tranh về giá xuất khẩu;*
 - *Hiện đại hóa lưu thông (còn thiếu phương tiện đối với hàng đông lạnh và hàng cần bảo quản mát);*
 - *Công tác marketing còn bất cập (chưa chú trọng đến thiết kế, hình dáng, chất liệu bao bì đóng gói, v.v.)*



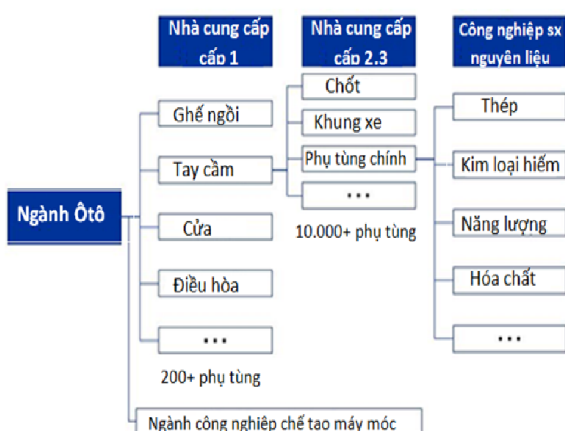
Chuỗi ngành công nghiệp ô tô (1)



- Công nghiệp ô tô được xem là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu, có mối liên kết chặt chẽ với nhiều ngành công nghiệp khác, như ngành kim loại, cơ khí, hóa chất, điện tử, v.v.
 - Trong những thập niên gần đây, đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ thị trường châu Mỹ và châu Âu sang khu vực châu Á;
 - Khảo sát toàn cầu năm 2012 của KPMG: xu hướng chủ đạo của ngành công nghiệp ô tô trong 15 năm tới sẽ là phát triển các phương tiện chạy bằng điện, các ý tưởng về xe đô thị cải tiến, và khái niệm về ô tô kết nối; và ngành công nghiệp này sẽ tiếp tục đối mặt với các thách thức về môi trường, mức độ phát triển của đô thị hóa và những thay đổi trong hành vi khách hàng.



Công nghiệp ô tô và chuỗi cung cứng





Chuỗi ngành công nghiệp ô tô (2)



- Công nghiệp ô tô Việt Nam có 18 nhà sản xuất trong và ngoài nước, cùng chia sẻ thị trường khoảng 100.000-120.000 xe mỗi năm (tính chung nhiều phân khúc).
- Thủ tướng Chính phủ đã thông qua Chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp ô tô giai đoạn tới 2025.
- Tuy nhiên: thất bại chính sách rõ ràng trong giai đoạn 2001-2010 và một số rủi ro có thể tái hiện trong Chiến lược mới:
 - Chưa nhìn rõ vị trí mong muốn trong chuỗi sản xuất ngành công nghiệp ô tô và phụ tùng ô tô (vừa muốn lắp ráp vừa muốn phát triển linh kiện, trong khi lại ưu đãi nhập khẩu linh kiện cho DN lắp ráp);



Cơ hội với AEC



- Cơ hội:
 - Chủ yếu từ sự tham gia của các doanh nghiệp lớn nước ngoài → nâng cao năng lực và dần tham gia vào chuỗi giá trị → gây dựng được uy tín và thương hiệu → phát triển lên các vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị;
 - Lưu ý: hàm lượng % giá trị gia tăng trong sản phẩm xuất khẩu có thể giảm đi, song tổng giá trị gia tăng (theo USD) tăng liên tục.

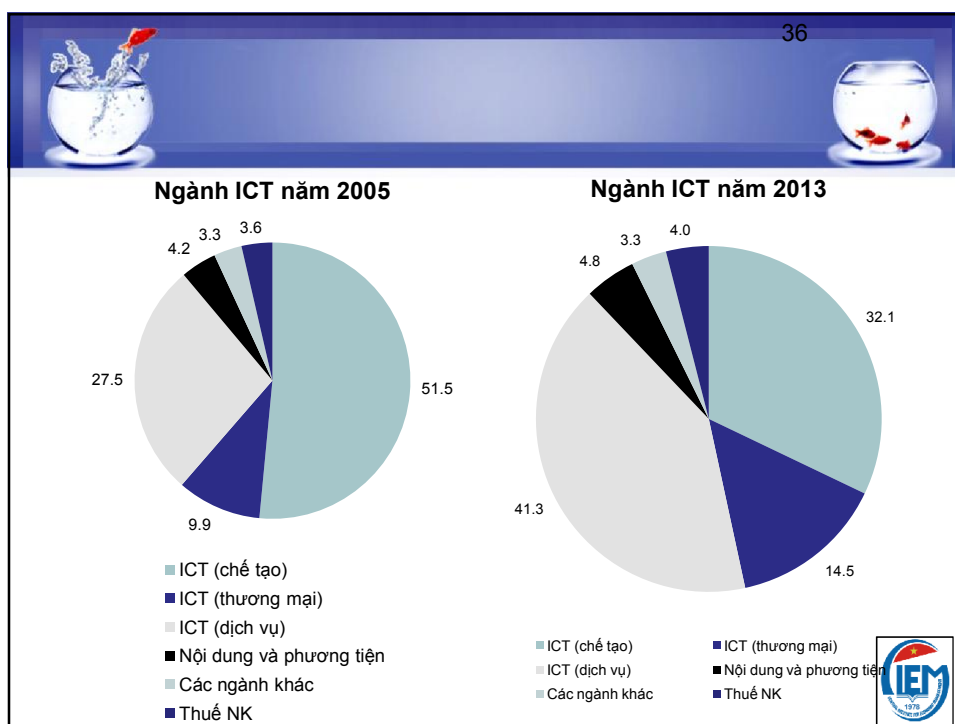


35

Kinh nghiệm quốc tế

Malaysia: Ngành ICT

- Từ Kế hoạch lần thứ 7 (1996-2000) đến Kế hoạch thứ 10 (2011-2015): kích thích tăng trưởng và chuyển dịch lên vị trí có GTGT cao hơn (1 trong 12 ngành ưu tiên);
- Ưu đãi:
 - Thuế: Miễn thuế; trợ cấp về điện, nước và đất đai; nhập khẩu công nhân nước ngoài; Luật riêng về ICT nhằm hỗ trợ các ngành viễn thông, thương mại sử dụng công nghệ số

37

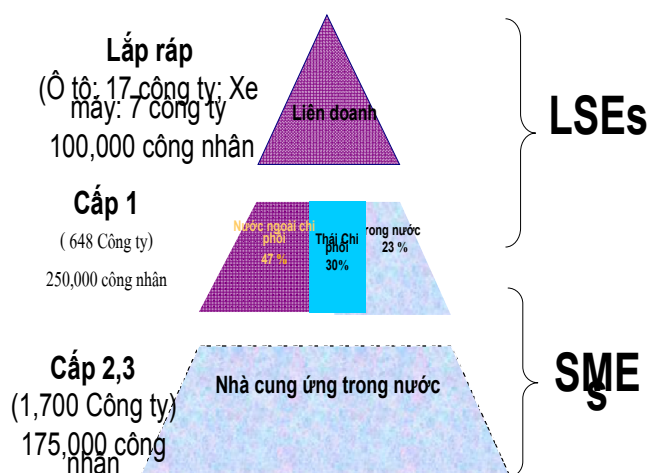
Kinh nghiệm quốc tế

Malaysia: Ngành ICT

- Chính sách quan trọng:
 - Cải thiện liên kết quốc tế trong các lĩnh vực ICT và phát triển công nghệ để tiếp cận công nghệ nguồn/chuyển giao công nghệ và kỹ năng;
 - Thúc đẩy các DN thuộc sở hữu của Malaysia tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu
- Lưu ý: ICT là ngành nhiều rủi ro, vốn lớn và đòi hỏi tích lũy kinh nghiệm dần dần (không thể nhảy vọt được) → chính sách cần kiên trì và có các biện pháp hỗ trợ đúng đối tượng + đúng liều lượng



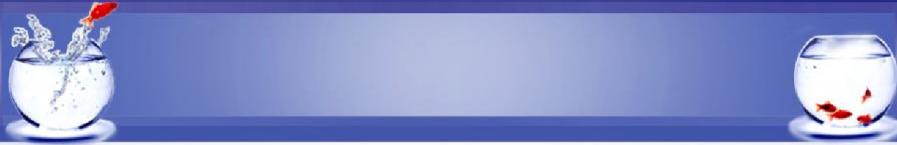
Cấu trúc SX của ngành ô tô Thái Lan





Số nhà cung cấp OEM cho ngành ô tô – xe máy

Nhóm phụ tùng	Thái	Thái chi phối	Nước ngoài chi phối	Tổng số
Động cơ	20	8	35	63
Điện	15	10	27	52
Lái / Truyền động	17	6	29	52
Phanh	13	1	21	35
Thân	57	17	47	119
Phụ kiện	18	2	19	39
Khác	214	24	111	349
Tổng số	354	68	287	709

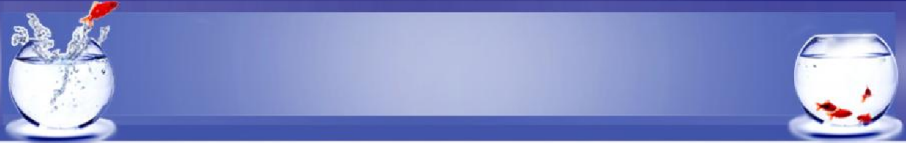



Thái Lan: những chủ thể chính

- **Các cơ quan chính phủ:** vai trò quan trọng trong xây dựng chính sách công nghiệp và ban hành các văn bản quy định liên quan.
- **Doanh nghiệp:**
 - DN lắp ráp;
 - DN sản xuất phụ tùng (Nước ngoài vs. Thái Lan)
- **Hiệp hội:**
 - HH DN ô tô xe máy,
 - HH DN sản xuất phụ tùng ô tô,
 - CLB công nghiệp ô tô,
 - CLB phụ tùng ô tô,
 - HH phụ tùng và linh kiện ô tô xe máy Thái Lan.

40





Thái Lan: những chủ thể chính

- **Trường Đại học:** các trường kỹ thuật uy tín (Chulalongkorn, v.v.)
- **Các viện nghiên cứu chuyên biệt:** Viện Thái Lan – Đức, Viện Năng suất quốc gia, Viện Sắt và Thép, Viện Điện – Điện tử, Viện Ô tô – xe máy Thái Lan, v.v.

41




Quan hệ giữa TNC và DN cung ứng phụ tùng ở Thái Lan

- Nội dung chuyển giao công nghệ: chuyển từ các công nghệ vận hành đơn giản sang các công nghệ kỹ thuật chế biến.
- Đồng thời chuyển dần sang nâng cao năng lực phát triển sản phẩm.
- Điều này cũng trùng với chiến lược đầu tư mới của các TNC: xây dựng các trung tâm R&D và sử dụng Thái Lan như là một trung tâm của cả vùng/toàn cầu về các sản phẩm chuyên biệt như xe bán tải 1-tấn và xe hơi thân thiện với môi trường.
- Tuy nhiên, **chỉ một vài DN cung ứng lớn có quan hệ lâu dài với các DN lắp ráp, đồng thời có những nỗ lực phát triển nhân lực và công nghệ mới được hưởng lợi.**

42





Kiến nghị (1)



- **Một số kiến nghị:** Mở cửa và hội nhập là cần thiết, song không đủ
 - *Thông tin (tiến trình FTA/BITs, đặc biệt là trong ASEAN; định hướng + ưu tiên phát triển các ngành phù hợp với thị trường đối tác; đánh giá tác động, cơ hội, thách thức; v.v.);*
 - *Tham vấn → tăng cường sự chuẩn bị + mức độ tham gia + mức độ làm chủ của doanh nghiệp trong các thang, bậc của chuỗi giá trị;*
 - *Cải cách môi trường kinh doanh (thủ tục thuế, cơ sở hạ tầng, v.v.) nhằm cải thiện kết nối giữa DN đảm nhận các công đoạn khác nhau trong chuỗi giá trị. (Lưu ý mức độ hài hòa về thủ tục với ASEAN)*




Kiến nghị (2)



- **Một số kiến nghị**
 - *Thiết kế các FTAs phù hợp, và đảm bảo sự hài hòa giữa các FTAs và giữa FTAs với yêu cầu phát triển công nghiệp trong nước.*
 - FTA phải gắn với năng lực sản xuất và chuỗi giá trị phù hợp với định hướng của Việt Nam → tạo niềm tin và động lực cho DN cung ứng tham gia chuỗi giá trị.
 - Đặc biệt là các FTA có gắn với lợi ích của các DN lớn đầu chuỗi.
 - *Tăng cường không gian chính sách nhằm hỗ trợ hiệu quả quá trình điều chỉnh cơ cấu của doanh nghiệp trong nước và cơ cấu lao động.*





Kiến nghị (3)



- **Một số kiến nghị**
 - *Tạo liên kết giữa DN trong nước và DN nước ngoài.*
 - DN nước ngoài không bắt buộc phải sử dụng đầu vào từ DN trong nước (thực ra họ có mạng nhà cung ứng ở nước ngoài hoặc các nhà cung ứng nước ngoài cũng vào Việt Nam theo)
 - Chính sách mới tập trung vào công nghiệp hỗ trợ (các yếu tố “đẩy”), song còn thiếu yếu tố “kéo” (thị trường; liên kết với DN lớn đầu chuỗi).
 - Nỗ lực không chỉ của cơ quan nhà nước, mà còn cả của DN.



Kiến nghị (4)



- **Một số kiến nghị**
 - *Tạo thuận lợi cho thương mại.*
 - Đơn giản hóa thủ tục/thời gian cấp chứng nhận xuất xứ;
 - Phối hợp với các đối tác để tăng cường các hiệp định công nhận lẫn nhau;
 - Phát triển hệ thống hạ tầng tại biên giới và sau biên giới để hỗ trợ kết nối trong chuỗi giá trị.





XIN CẢM ƠN!



Liên hệ:

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội,

49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(Tài liệu tập huấn được đăng trên trang Web này)